**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN ĐỊA LÝ 10 BÀI 23:**

**CƠ CẤU DÂN SỐ**

**Câu 1:**  Thành phần nào sau đây thuộc nhóm dân số không hoạt động kinh tế?

**A.** Người có việc làm ổn định. **B.** Những người làm nội trợ.

**C.** Người làm việc tạm thời. **D.** Người chưa có việc làm.

**Câu 2:**  Thành phần nào sau đây thuộc vào nhóm hoạt động kinh tế?

**A.** Học sinh. **B.** Sinh viên, **C.** Nội trợ. **D.** Thất nghiệp.

**Câu 3:**  Các nhân tố nào sau đây có tác động mạnh mẽ đến cơ cấu theo lao động?

**A.** Cơ cấu theo tuổi và cơ cấu kinh tế theo ngành.

**B.** Cơ cấu theo tuổi và cơ cấu kinh tế thành phần,

**C.** Cơ cấu kinh tế theo ngành và theo thành phần.

**D.** Cơ cấu kinh tế theo ngành và theo lãnh thổ.

**Câu 4:**  Hoạt động kinh tế nào sau đây không thuộc khu vực I?

**A.** Nông nghiệp. **B.** Lâm nghiệp, **C.** Công nghiệp. **D.** Ngư nghiệp.

**Câu 5:**  Hoạt động kinh tế nào sau đây thuộc khu vực II?

**A.** Nông nghiệp. **B.** Lâm nghiệp, **C.** Công nghiệp. **D.** Ngư nghiệp.

**Câu 6:**  Hoạt động kinh tế nào sau đây thuộc khu vực III?

**A.** Lâm nghiệp. **B.** Công nghiệp, **C.** Ngư nghiệp. **D.** Dịch vụ

**Câu 7:**  Cơ cấu dân số theo giới biểu thị tương quan giữa:

**A.** giới nam so với giới nữ hoặc so với tổng số dân

**B.** giới nam so với số dân trung bình ở cùng thời điểm

**C.** giới nữ so với số dân trung bình ở cùng thời điểm

**D.** số trẻ em nam và nữ sinh ra so với tổng số dân

**Câu 8:**  Sức sản xuất cao nhất của xã hội tập trung ở nhóm tuổi:

**A.** dưới tuổi lao động **B.** trong tuổi lao động

**C.** trên tuổi lao động **D.** dưới và trên tuổi lao động

**Câu 9:** Sự khác biệt giữa tháp thu hẹp với tháp mở rộng là

**A.** Đáy rộng, đỉnh nhịn, ở giữa thu hẹp.

**B.** Đáy hẹo, đỉnh phình to.

**C.** Ở giữa tháp phình to, thu hẹp về hai phía đáy và đỉnh tháp .

**D.** Hẹp đáy và mở rộng hơn ở phần đỉnh.

**Câu 10:**  Kiểu tháp ổn định (Nhật) có đặc điểm là :

**A.** Đáy rộng, đỉnh nhọn, hai cạnh thoải.

**B.** Đáy hẹp, đỉnh phình to

**C.** ở giữa tháp thu hẹp, phình to ở phía hai đầu.

**D.** hẹp đáy và mở rộng hơn ở phần đỉnh.

**Câu 11:**  Bộ phận dân số trong độ tuổi quy định có khả năng tham gia lao động được gọi là

**A.** nguồn lao động. **B.** Lao động đang hoạt động kinh tế .

**C.** Lao động có việc làm. **D.** Những người có nhu cầu về việc làm.

**Câu 12:**  Nguồn lao động được phân làm hai nhóm

**A.** Nhóm có việc làm ổn định và nhóm chưa có việc làm.

**B.** Nhóm có việc làm tạm thời và nhóm chưa có việc làm.

**C.** Nhóm dân số hoạt động kinh tế và nhóm dân số không hoạt động kinh tế.

**D.** Nhóm tham gia lao động và nhóm không tham gia lao động.

**Câu 13:**  Bộ phận dân số nào sau đây thuộc nhóm dân số hoạt động kinh tế ?

**A.** Nội trợ.

**B.** Những người tàn tật.

**C.** Học sinh, sinh viên.

**D.** Những người có nhu cầu lao động nhưng chưa có việc làm.

**Câu 14:**  Bộ phận dân số nào sau đây thuộc nhóm dân số không hoạt động kinh tế ?

**A.** Những người đang làm việc trong các nhà máy.

**B.** Những người nông dân đang làm việc trên ruộng đồng.

**C.** Học sinh, sinh viên.

**D.** Có nhu cầu lao động nhưng chưa có việc làm.

**Câu 15:**  Cơ cấu dân sô thể hiện được tinh hình sinh tử, tuổi thọ, khả năng phát triển dân số và nguồn lao động của một quốc gia.

**A.** Cơ cấu dân số theo lao động. **B.** Cơ cấu dân số theo giới.

**C.** Cơ cấu dân số theo độ tuổi. **D.** Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa.

**Câu 16:**  Cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá phản ánh

**A.** trình độ dân trí và học vấn của dân cư

**B.** tỉ lệ người biết chữ trong xã hội

**C.** số năm đến trường trung bình của dân cư

**D.** đời sống văn hóa và trình độ dân trí của dân cư

**Câu 17:** Kiểu tháp tuổi nào sau đây thể hiện tuổi thọ trung bình cao?

**A.** mở rộng **B.** ổn định

**C.** thu hẹp **D.** không thể xác định được

**Câu 18:**   Cơ cấu dân số được phân ra thành hai loại là

**A.** Cơ cấu sinh học và cơ cấu theo trình độ.

**B.** Cơ cấu theo giới và cơ cấu theo tuổi.

**C.** Cơ cấu theo lao động và cơ cấu theo trình độ.

**D.** Cơ cấu sinh học và cơ cấu xã hội.

**Câu 19:**  Một nước có tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi là trên 35% nhóm tuổi trên 60 tuổi trở lên là dưới 10% thì được xếp là nước có

**A.** Dân số trẻ. **B.** Dân số già. **C.** Dân số trung bình. **D.** Dân só cao.

**Câu 20:**  Sự khác biệt giữa tháp mở rộng với tháp thu hẹp là

**A.** Đáy rộng, đỉnh nhọn, hai cạnh thoải.

**B.** Đáy hẹp, đỉnh phinh to.

**C.** Đáy rộng, thu hẹp ở giữa, phía trên lại mở ra.

**D.** Hẹp đáy và mở rộng hơn ở phần đỉnh.

**Câu 21:**  Loại cơ cấu dân số nào sau đây không thuộc nhóm cơ cấu xã hội?

**A.** cơ cấu dân số theo nhóm tuổi **B.** cơ cấu dân số theo lao động

**C.** cơ cấu dân số theo dân tộc **D.** cơ cấu dân số theo ngôn ngữ, tôn giáo

**Câu 22:** Nhóm 0 – 14 tuổi là nhóm tuổi

**A.** trong tuổi lao động **B.** dưới tuổi lao động

**C.** ngoài tuổi lao động **D.** hoạt động kinh tế

**Câu 23:**  Ý nào sau đây đúng khi nói đến thuận lợi của cơ cấu dân số trẻ ?

**A.** Nguồn lao động có kinh nghiệm **B.** Nguồn lao động dồi dào

**C.** Nguồn lao động ngành nghề **D.** Nguồn lao động có trình độ cao

**Câu 24:**  Ý nào sau đây đúng khi nói đến thuận lợi của cơ cấu dân số già ?

**A.** Nguồn lao động có kinh nghiệm **B.** Nguồn lao động dồi dào

**C.** thiếu nguồn lao động **D.** Thị trường tiêu thụ rộng lớn

**Câu 25:**  Tiêu chí nào sau đây cho biết một nước có dân số già

**A.** Nhóm tuổi 0 - 14 chiếm dưới 25%, nhóm tuổi 60 trở lên chiêm trên 10%.

**B.** Nhóm tuổi 0-14 chiếm dưới 25%, nhóm tuổi 60 ưở lên chiêm trên 15%.

**C.** Nhóm tuổi 0-14 chiếm trên 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm dưới 15%.

**D.** Nhóm tuổi 0-14 chiếm trên 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm ưên 10%. I

**Câu 26:**  Tiêu chí nào sau đây cho siết một nước có dân số trẻ?

**A.** Nhóm tuổi 0 - 14 chiếm trên 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm dưới 10%.

**B.** Nhóm tuổi 0-14 chiếm trên 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm trên 10%.

**C.** Nhóm tuổi 0-14 chiếm dưới 10%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm trên 15%.

**D.** Nhóm tuổi 0 -14 chiếm dưới 10%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm dưới 15%.

**Câu 27:**  Tiêu chí nào sau đây không được thể hiện trong kiểu tháp tuổi mở rộng?

**A.** Tỉ suất sinh cao. **B.** Tuổi thọ thấp,

**C.** Dân số tăng nhanh. **D.** Già hoá dân số.

**Câu 28:**  Tiêu chí nào sau đây không được thể hiện trong kiểu tháp tuổi thu hẹp?

**A.** Tỉ suất sinh giảm nhanh. **B.**  Nhóm số lượng trẻ em ít

**C.** Gia tăng có hướng giảm. **D.** Dân số đang trẻ hóa

**Câu 29:**  Các tiêu chí nào sau đây thể hiện được trong cơ cấu dân số theo lao động?

**A.** Nguôn lao động, dân số hoạt dộng theo khu vực kinh tế.

**B.** Tỉ suât sinh, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

**C.** Ti số giớị, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

**D.** Dân số già, dân sô hoạt động theo khu vực kinh tế.

**Câu 30:**  Thành phần nào sau đây không thuộc về nhóm dân số hoạt động kinh tê?

**A.** Người có việc làm ổn định. **B.** Những người làm nội trợ.

**C.** Người làm việc tạm thời. **D.** Người chưa có việc làm.

**Câu 31:**  Một nước có tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi là dưới 25 % , nhóm tuổi 60 trở lên là trên 15% thì được xếp là nước có

**A.** Dân số trẻ. **B.** Dân số già. **C.** Dân số trung bình. **D.** Dân số cao.

**Câu 32:**  Một nước có tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi là trên 35%, nhóm tuổi 60 tuổi trở lên là dưới 10% thì được xếp là nước có

**A.** Dân số trẻ. **B.** Dân số già. **C.** Dân số trung bình. **D.** Dân só cao.

**Câu 33:**  Bộ phận dân số nào sau đây thuộc nhóm dân số hoạt động kinh tế?

**A.** nội trợ **B.** học sinh- sinh viên

**C.** người làm thuê việc nhà **D.** người đau ốm, tàn tật

**Câu 34:**  Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa thường dùng làm một tiêu chuẩn để đánh giá

**A.** Tốc độ phát triển kinh tế của một nước **B.** Chất lượng cuộc sống ở một nước

**C.** Nguồn lao động của một nước **D.** Khả năng phát triển dân số một nước

**Câu 35:**  Cơ cấu dân số được phân ra thành hai loại là

**A.** Cơ cấu sinh học và cơ cấu theo trình độ.

**B.** Cơ cấu theo giới và cơ cấu theo tuổi.

**C.** Cơ cấu theo lao động và cơ cấu theo trình độ.

**D.** Cơ cấu sinh học và cơ cấu xã hội.

**Câu 36:**  Cơ cấu dân số theo giới là tương quan giữa

**A.** Giới nam so với giới nữ hoặc so với tổng số dân.

**B.** Số trẻ em nam so với số trẻ em nữ trong cùng thời điểm.

**C.** Số trẻ em nam so với tổng số dân.

**D.** Số trẻ em nam và nữ trên tổng số dân ở cùng thời điểm

**Câu 37:** Cơ cấu dân số theo giới không ảnh hưởng tới

**A.** Phân bố sản xuất

**B.** Tổ chức đời sống xã hội.

**C.** Trình độ phát triển kinh tế - xã hội của một đất nước.

**D.** Hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia.

**Câu 38:**  Cơ cấu dân sô thể hiện được tinh hình sinh tử, tuổi thọ, khả năng phát triển dân số và nguồn lao động của một quốc gia.

**A.** Cơ cấu dân số theo lao động. **B.** Cơ cấu dân số theo giới.

**C.** Cơ cấu dân số theo độ tuổi. **D.** Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa.

**Câu 39:**  Thông thường, nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi được gọi là nhóm

**A.** Trong độ tuổi lao động. **B.** Trên độ tuổi lao động.

**C.** Dưới độ tuổi lao động. **D.** Độ tuổi chưa thể lao động

**Câu 40:** Thông thường, nhóm tuổi từ 15 – 59 tuổi (hoặc đến 64 tuổi) được gọi là nhóm

**A.** Trong độ tuổi lao động. **B.** Trên độ tuổi lao động.

**C.** Dưới độ tuổi lao động. **D.** Hết độ tuổi lao động

**Câu 41:**  Cơ cấu dân số trẻ thể hiện:

**A.** Tỉ lệ sinh thấp **B.** Tuổi thọ trung bình thấp

**C.** Tỉ lệ tử thấp **D.** Thiếu nguồn lao động

**Câu 42:** Cơ cấu dân số già thể hiện:

**A.** Tỉ lệ sinh cao **B.** Tuổi thọ trung bình thấp

**C.** Tỉ lệ tử cao **D.** Thiếu nguồn lao động

**Câu 43:**  Cơ cấu lao động của các nước phát triển có:

**A.** Tỉ trọng lao động trong khi vực III rất cao **B.** Tỉ trọng lao động trong khi vực II rất cao

**C.** Tỉ trọng lao động trong khi vực I rất cao **D.** Tỉ trọng lao động trong khi vực III rất thấp

**Câu 44:**  Kiểu tháp tuổi mở rộng thể hiện:

**A.** Gia tăng dân số giảm dần **B.** Gia tăng dân số nhanh

**C.** Gia tăng dân số ổn định **D.** Gia tăng cơ học

**Câu 45:**  Đâu không phải là nguyên nhân làm cho tỷ số nam nữ của nước ta khác nhau theo không gian và thời gian ?

**A.** Chiến tranh làm nam chết nhiều hơn nữ

**B.** Tuổi thọ trung bình của nữ thường cao hơn nam

**C.** Tâm lý xã hội trọng nam khinh nữ.

**D.** Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

**Câu 46:**  Nước ta có cơ cấu dân số trẻ không mang đến thuận lợi nào?

**A.** Có thị trường tiêu thụ rộng lớn. **B.** Nguồn lao động dồi dào

**C.** Tạo sức hút đầu tư lớn. **D.** Phát triển y tế, giáo dục

**Câu 47:**  Thông thường, nhóm tuổi từ 60 tuổi (hoặc 65 tuổi) trở lên được gọi là nhóm

**A.** Trong độ tuổi lao động. **B.** Trên độ tuổi lao động.

**C.** Dưới độ tuổi lao động. **D.** Không còn khả năng lao động .

**Câu 48:**  Một nước có tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi là dưới 25 %, nhóm tuổi trên 60 trở lên là trên 15% thì được xếp là nước có

**A.** Dân số trẻ. **B.** Dân số già. **C.** Dân số trung bình **D.** Dân số cao.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| ĐA | A | D | A | C | C | D | A | B | C | D |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| ĐA | A | C | D | C | C | A | B | D | A | A |
| Câu | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| ĐA | A | B | B | A | B | A | A | D | A | B |
| Câu | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| ĐA | B | A | C | B | D | A | C | C | C | A |
| Câu | 41 | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 | 47 | 48 |  |  |
| ĐA | B | D | A | B | D | D | B | B |  |  |